

Mô hình thử sức chịu đựng (Stress test-ST) lần đầu tiên được giới thiệu thông qua chương trình đánh giá khu vực tài chính (Financial Sector Assessment Programs-FSAPs) được thực hiện bởi Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) phối hợp cùng Ngân hàng Thế giới (WB). Từ đó đến nay, ST nhận được nhiều sự quan tâm của cả các nhà học thuật, những người làm thực tế, trong đó có Ngân hàng Trung ương các nước. Stress test trở thành công cụ hữu hiệu trong việc đánh giá sự ổn định, khả năng chống đỡ của hệ thống tài chính nói chung và hệ thống ngân hàng thương mại nói riêng trước những cú sốc bất lợi của nền kinh tế. Bài viết đánh giá sức chịu đựng rủi ro lãi suất (Stress test lãi suất) cho 4 ngân hàng thương mại (NHTM) và áp dụng theo phương pháp phân tích độ nhạy với 03 kịch bản lãi suất tăng trong năm 2016. Sức chịu đựng rủi ro được đánh giá thông qua tác động của lãi suất lên lợi nhuận ròng từ lãi, khả năng sinh lời và hệ số an toàn vốn của các ngân hàng.

1. Giới thiệu mô hình thử sức chịu đựng rủi ro lãi suất - Stress Test lãi suất

Stress test được nhìn nhận là tập hợp các kỹ thuật và phương pháp được sử dụng để đánh giá khả năng chịu đựng rủi ro hay mức độ tổn thương của các tổ chức tài chính, ngân hàng trước những sự kiện, hoàn cảnh rất bất lợi. Để đánh giá được mức độ tổn thương, sự kiện rất bất lợi mà người thực hiện Stress test cần kiến tạo là những sự kiện có tính chất cực độ, mang tính chất

KIỂM TRA SỨC CHỊU ĐỰNG RỦI RO LÃI SUẤT TẠI MỘT SỐ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM THEO PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH ĐỘ NHẠY

✍️ ThS. Nguyễn Thị Thu Trang *

rất ngoại lệ, bất thường (extreme & exceptional) nhưng có khả năng xảy ra (plausible) (theo định nghĩa của Basel). Kết quả tác động của ST thường được thể hiện ở hai dạng chính: (1) các chỉ số tài chính về vốn, mức độ tổn thất (solvency stress test), hoặc các tỷ lệ an toàn về thanh khoản (liquidity stress test).

Nói một cách đơn giản, Stress test giúp cơ quan quản lý và các tổ chức tài chính chủ động đối phó những tình huống xấu nhất có thể. Mục tiêu của Stress test dưới góc độ vĩ mô nhằm giúp những người điều hành chính sách trong việc xác định mức độ nhạy cảm về mặt cấu trúc, rủi ro toàn bộ của hệ thống tài chính gặp phải mà có thể dẫn tới sự sụp đổ của cả hệ thống. Do đó, Stress test vĩ mô thường được thực hiện bởi Ngân hàng Trung

ương các nước, hoặc các tổ chức quốc tế như IMF, WB. Tuy ban đầu, Stress test được tạo ra dưới góc độ vi mô, nhưng ngày nay, kỹ thuật đó được áp dụng nhiều hơn dưới phương diện vĩ mô, đánh giá mức độ nhạy cảm của một nhóm các định chế tài chính, có thể là các ngân hàng thương mại, hoặc thậm chí cả hệ thống tài chính trước những biến động thị trường. *

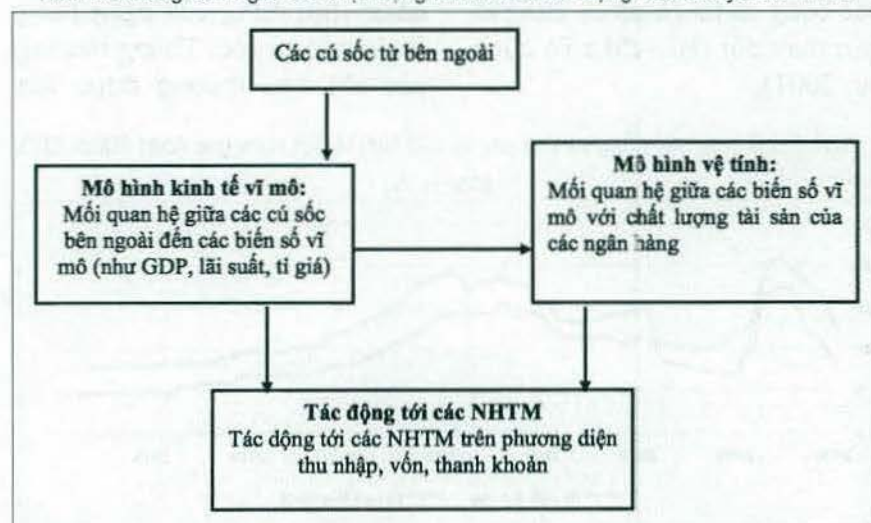
2. Cơ sở lý thuyết và khung phân tích

Cách thức thực hiện ST nói chung và ST lãi suất nói riêng được minh họa theo các bước trong hình 1 như sau:

Bước 1: Xây dựng kịch bản

Trong kỹ thuật ST, xây dựng cú sốc và xây dựng kịch bản là vấn đề quan trọng và khó khăn nhất trong toàn bộ quá trình thực

Hình 1: Khung đánh giá sức chịu đựng rủi ro dưới tác động của các yếu tố vĩ mô



* Học viện Ngân hàng

Nguồn: Cihak (2007)

hiện Stress test. Việc đưa ra các cú sốc quá mạnh hay quá yếu đều có thể khiến cho toàn bộ quá trình kiểm tra trở nên vô nghĩa. Trên thực tế, vì xác định các cú sốc không đủ mạnh nên bài kiểm tra Stress Test trước khủng hoảng kinh tế 2008 không hề phát hiện ra những nguy hiểm tiềm tàng trong hệ thống. Xây dựng kịch bản được chia thành 3 loại: (i) kịch bản lịch sử; (ii) kịch bản giả định; và (iii) kịch bản kết hợp. Các kịch bản này có thể xem xét các cú sốc đơn lẻ, hoặc xem xét mối quan hệ giữa các biến số vĩ mô như GDP, lãi suất, tỉ giá và các biến số khác.

Rủi ro lãi suất được hiểu những tổn thất tiềm tàng mà ngân hàng phải gánh chịu khi lãi suất thị trường biến động. Rủi ro lãi suất xảy ra khi ngân hàng duy trì sự bất cân xứng về kì hạn giữa tài sản và nợ, và/hoặc lãi suất trên thị trường biến động. Với ST lãi suất nhằm đánh giá sức chịu đựng rủi ro lãi suất đơn lẻ nên phương pháp áp dụng là phương pháp phân tích độ nhạy - các kịch bản cho một yếu tố là lãi suất thay đổi. Các kịch bản thường được đưa ra như: đường cong lãi suất dịch chuyển, đường cong lãi suất thay đổi độ dốc hoặc phần chênh lệch lãi suất giữa các công cụ tài chính có cùng kì hạn thay đổi (Blaschke và cộng sự, 2001).

Bước 2: Mô hình vệ tinh đánh giá tác động cú sốc tới bảng cân đối của ngân hàng

Nhiệm vụ của bước này xem xét tác động của các biến vĩ mô tới bảng cân đối kế toán của ngân hàng thông qua rủi ro đã được lựa chọn. Với rủi ro lãi suất, các mô hình thường được sử dụng để đo lường rủi ro lãi suất là: (i) mô hình kì đến hạn (Maturity Model); (ii) mô hình định giá lại (Repricing Model); (iii) mô hình thời lượng (Duration Model); và (iv) mô hình giá trị chịu rủi ro VaR (Value at risk).

Theo Blaschke và cộng sự (2001), ST lãi suất được thực hiện ở 12 quốc gia trong đó 4/12 quốc gia áp dụng mô hình thời lượng, 6/12 quốc gia áp dụng mô hình kì đến hạn và định giá lại, có rất ít quốc gia áp dụng mô hình VaR.

Bước 3: Đánh giá khả năng chịu đựng của ngân hàng

Bước cuối cùng trong quy trình stress test là xem xét xem liệu ngân hàng có thể đứng vững trước các cú sốc đã được giả định hay không. Nói cách khác, chúng ta sẽ so sánh tổn thất với một tiêu chuẩn phù hợp. Vấn đề quan trọng đặt ra ở đây đó là việc lựa chọn một biến số/ chỉ tiêu phù hợp để phản ánh khả năng chịu đựng của ngân hàng trước các cú sốc. Thông thường các chỉ tiêu thường được lựa

chọn đó là khả năng sinh lời (ví dụ: ROA) hoặc các chỉ tiêu an toàn vốn (CAR) của ngân hàng.

Dựa trên khung lý thuyết trên, tác giả sẽ đánh giá sức chịu đựng rủi ro lãi suất cho 4 NHTM được lựa chọn, trong đó, có 2 NHTMCP và 2 NHTM do Nhà nước sở hữu cổ phần chi phối X, Y, Z, W. Tác giả sử dụng phương pháp trực tiếp đánh giá sức chịu đựng rủi ro thị trường bằng phương pháp phân tích độ nhạy như sau: (i) Bước 1: Xác định các cú sốc lãi suất; (ii) Bước 2: Đo lường rủi ro lãi suất trước các cú sốc đó thông qua xác định lại thu nhập ròng của NHTM. Theo đó, khi cú sốc xảy ra, nếu NHTM gặp rủi ro lãi suất thì thu nhập ròng của NHTM sẽ bị giảm xuống một lượng tương ứng với quy mô rủi ro. Đồng thời tính lại hệ số ROA dựa vào thu nhập ròng sau khi cú sốc xảy ra với giả định tổng tài sản không đổi so với năm trước; (iii) Bước 3: Tính lại hệ số CAR của các NHTM với giả định, khi NHTM gặp rủi ro, phần tử số (vốn tự có - vốn cấp 1 và cấp 2) bị giảm xuống một lượng tương ứng và tài sản có rủi ro quy đổi là không đổi so với năm trước.

3. Kết quả nghiên cứu

Bước 1: Xác định kịch bản lãi suất năm 2016

Lãi suất kinh doanh của các NHTM Việt Nam (lãi suất huy động và lãi suất cho vay) chịu tác động của các mức lãi suất điều hành, chính sách tiền tệ, sự biến động của nền kinh tế và sự cạnh tranh giữa các NHTM với nhau (Hình 1)

Kinh tế thế giới lâm vào tình trạng suy thoái gây bất lợi cho nền kinh tế Việt Nam vào năm 2008. Kinh tế vĩ mô đối mặt với nhiều bất lợi như lạm phát tăng

Hình 1: Lãi suất huy động và cho vay tại các NHTM Việt Nam giai đoạn 2008-2015 (đơn vị: %)



Nguồn: www.sbv.gov.vn



Cùng với nỗ lực giảm lãi suất huy động, NHNN đã triển khai nhiều biện pháp để giảm mật bằng lãi suất cho vay

mạnh, lên tới 20%¹, kinh tế tăng trưởng chậm, sản xuất khó khăn. Trước tình hình đó, NHNN điều hành chính sách tiền tệ thắt chặt như tăng lãi suất điều hành, phát hành tín phiếu bắt buộc,... khiến các NHTM rơi vào tình trạng kém thanh khoản và phải nâng lãi suất để tăng huy động làm cho lãi suất tăng suốt những tháng đầu năm, và giảm dần vào những tháng cuối năm. Năm 2009, NHNN giảm tần suất thay đổi các mức lãi suất điều hành, tuy nhiên, tình hình thanh khoản NHTM khá căng thẳng so với năm trước khiến cho lãi suất huy động và cho vay tăng trong năm 2009.

Năm 2010, kinh tế thế giới và trong nước có nhiều phục hồi nhưng vẫn còn nhiều khó khăn. Cuộc đua lãi suất bắt đầu trở lại từ những tháng cuối năm 2010 cùng với những áp lực đáp ứng yêu cầu vốn điều lệ 3.000 tỷ đồng và các tỷ lệ an toàn vốn. Sang năm 2011, trước tình hình kinh tế thế giới nhiều bất ổn, khủng hoảng nợ công của Hy Lạp, giá dầu leo thang, nền kinh tế trong nước tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn như nguy cơ lạm phát tăng cao trở lại, NHNN thắt chặt tiền tệ, các NHTM khó khăn trong huy động vốn và đáp ứng các yêu cầu về vốn và an

toàn, cả lãi suất huy động và cho vay đều tăng cao.

Năm 2012 và 2013, lãi suất huy động và cho vay giảm phù hợp với xu hướng điều hành lãi suất của NHNN trong điều kiện lạm phát giảm bền vững, thanh khoản của hệ thống ngân hàng dồi dào, qua đó góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Cùng với nỗ lực giảm lãi suất huy động, NHNN đã triển khai nhiều biện pháp để giảm mật bằng lãi suất cho vay, đặc biệt là đối với 5 lĩnh vực ưu tiên. Lãi suất huy động và cho vay giảm trong suốt giai đoạn 2012 và 2013². Năm 2014 và 2015 tiếp tục chứng kiến giai đoạn giảm của cả lãi suất huy động và cho vay. Lãi suất huy động và cho vay giảm dần qua các tháng trong năm, đưa mật bằng lãi suất huy động và cho vay chỉ còn khoảng một nửa so với năm 2011.

Sang năm 2016, nhiều chuyên gia kinh tế cho rằng lãi suất sẽ chịu áp lực tăng do lạm phát có xu hướng tăng trở lại, áp lực huy động vốn trái phiếu Chính phủ, nhu cầu vay trung dài hạn của khách hàng gia tăng. Dựa trên nhận định như vậy, tác giả đưa ra 3 kịch bản: (i) lãi suất tăng 0,5%; (ii) lãi suất tăng 1% và; (iii) lãi suất tăng 2,0%,

và áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy để tính toán xem, khi lãi suất biến động theo các kịch bản đó thì ảnh hưởng như thế nào đến thu nhập ròng của các NHTM.

Bước 2: Tác động các kịch bản lãi suất lên thu nhập ròng từ lãi và khả năng sinh lời của các NHTM

Tác động các kịch bản lãi suất lên thu nhập ròng từ lãi của các NHTM

Để đo lường rủi ro lãi suất của các NHTM, hiện có nhiều phương pháp và mô hình như mô hình kỳ đến hạn, mô hình thời lượng, mô hình định giá lại. Theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007 về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng (TCTD), các TCTD phải phân loại tài sản, nợ và các khoản mục ngoại bảng theo các khung thời gian khác nhau phụ thuộc vào kỳ định lại lãi suất thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trong khuôn khổ bài viết, dựa trên những thông tin thu thập được như vậy từ báo cáo thường niên của các NHTM, tác giả đã lựa chọn mô hình định giá lại - mô hình được coi là được các NHTM biết đến nhiều nhất và sử dụng rộng rãi nhất hiện nay, cụ thể các bước thực hiện như sau³:

Bước 1: dựa trên báo cáo thường niên của các NHTM, xác định khe hở nhạy cảm lãi suất theo các khung thời gian theo công thức sau:

$$GAP_{t_i} = RSA_{t_i} - RSL_{t_i-1}$$

Theo đó:

GAP_{t_i} : khe hở nhạy cảm lãi suất cho khung kì hạn từ t_{i-1} đến t_i

RSA_{t_i} : tài sản nhạy cảm lãi suất cho khung kì hạn từ t_{i-1} đến t_i

RSL_{t_i} : nợ nhạy cảm lãi suất cho khung kì hạn từ t_{i-1} đến t_i

Bảng 1: Bảng tính trọng số theo từng khung kì hạn ngân hàng W và X

Thời kỳ	t_{i-1}	t_i	t^*	$1-t^*$
0 đến 1 tháng	0	1/12	1/24	23/24
1 đến 3 tháng	1/12	3/12	2/12	10/12
3 đến 6 tháng	3/12	6/12	9/24	15/24
6 đến 12 tháng	6/12	12/12	9/12	3/12

Bảng 2: Thay đổi thu nhập ròng từ lãi năm 2016 tại một số NHTM
(đơn vị: triệu đồng)

Ngân hàng	Cuối 2015			ΔNII năm 2016 với các kịch bản		
	GAPw	GAPw/A	Lợi nhuận thuần sau thuế	Kịch bản 1 $\Delta r=0,5\%$	Kịch bản 2 $\Delta r=1,0\%$	Kịch bản 3 $\Delta r=2,0\%$
W	150.084.271	19,25%	5.697.921	750.421 [13,13%]	1.500.843 [26,25%]	3.001.685 [52,51%]
X	-204.966.636	-30,41%	5.313.726	-1.024.833 [-19,22%]	-2.049.666 [-38,43%]	-4.099.333 [-76,87%]
Y	-8.169.870	-3,70%	2.495.993	-40.849 [-1,63%]	-81.699 [-3,25%]	-163.397 [-6,5%]
Z	-5.868.069	-2,91%	1.028.232	-29.340 [-2,85%]	-58.681 [-5,71%]	-117.361 [-11,41%]

Nguồn: Tác giả tự tính toán

Bước 2: tính kỳ đáo hạn trung bình (t_i^*), đó là ngày ở giữa ngày bắt đầu (t_{i-1}) và ngày kết thúc (t_i) của thời kỳ đó theo công thức

$$t_i^* = (t_i + t_{i-1})/2$$

Như vậy, t_i^* để ước tính ngày tái định giá cho tất cả tài sản và nợ nằm trong chênh lệch biên $GAPt_i$, $GAPt_i$ do đó, sẽ chịu rủi ro khi lãi suất từ ngày tái định giá cho đến hết kỳ tính toán chênh lệch (thường là 1 năm). Với khung kỳ hạn yêu cầu của NHNN theo quy định 16/2007/QĐ-NHNN ta có bảng trọng số như sau: (Bảng 1)

Bước 3: Tính toán khe hở nhạy cảm tích lũy có trọng số trong 1 năm (GAP_w 1 năm)

$$GAP_w = \sum GAPt_i^* (1 - t_i^*)$$

GAP_w 1 năm phản ánh độ nhạy cảm của thu nhập ròng của ngân hàng NII đối với những thay đổi trong lãi suất huy động và cho vay, được tính bằng tổng các khe hở nhạy cảm theo từng khung lãi suất được điều chỉnh theo trọng số bằng thời gian trung bình còn lại cho đến cuối kỳ tính toán (thường là 1 năm).

Bước 4: Tính toán sự thay đổi

trong thu nhập ròng của ngân hàng (ΔNII) khi lãi suất trong 1 năm tới thay đổi (Δr)

$$\Delta NII = \Delta r \cdot GAP_w$$

Áp dụng phương pháp như vậy cho 4 NHTM ta có kết quả tác động của các kịch bản lãi suất đến thu nhập ròng từ lãi như sau: (Bảng 2)

Cuối năm 2015, trong các NHTM thuộc mẫu nghiên cứu thì chỉ có NH W duy trì GAPw dương trong khi 3 NHTM còn lại X, Y, Z đều duy trì GAPw âm. Nếu lãi suất năm 2016 tăng thì 3 NHTM này sẽ bị suy giảm thu nhập ròng từ lãi trong khi NH W lại hưởng lợi từ lãi suất gia tăng. Còn nếu lãi suất năm 2016 giảm thì 3 NHTM này sẽ được hưởng lợi do thu nhập ròng từ lãi tăng trong khi chỉ có NH W chịu rủi ro khi thu nhập ròng từ lãi giảm.

Điều đáng lưu ý là nếu so với những năm trước, NH Y và Z duy trì tỷ lệ GAPw/A cao tương đối so với hai ngân hàng còn lại, thì đến 2016, xu hướng này bị đảo ngược, NH W và X lại duy trì tỷ lệ GAPw/A khá cao, NH X lên tới 30,41%, NH W là 19,25%. Do đó, nếu lãi suất

biến động mạnh thì NH W và X sẽ phải gánh chịu nhiều hơn so với hai ngân hàng còn lại, tuy nhiên, NH W chịu rủi ro lãi suất giảm còn NH X chịu rủi ro lãi suất tăng.

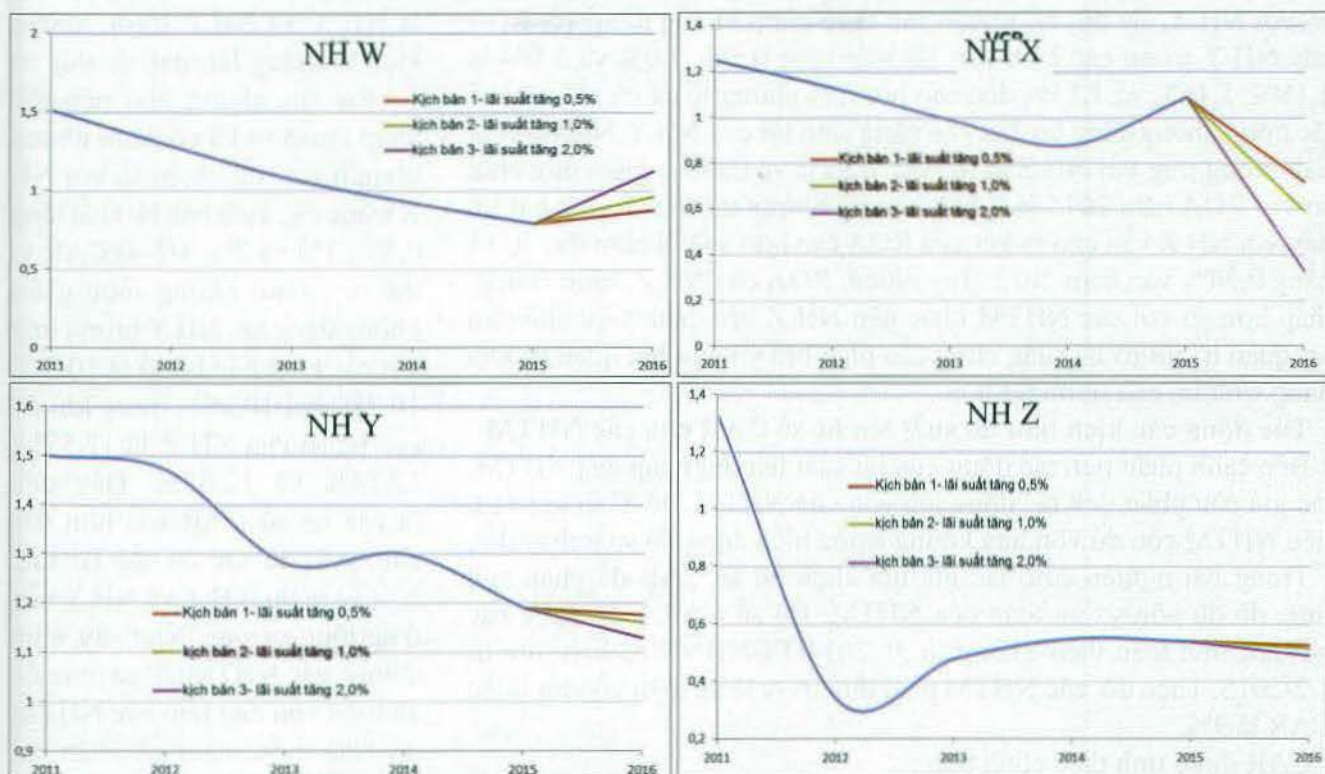
Để đo lường cụ thể tác động của lãi suất tới thu nhập ròng của các NHTM, ba kịch bản lãi suất tăng 0,5%, 1% và 2% được áp dụng như bảng 2. Như vậy, nếu lãi suất tăng trong năm 2016 thì chỉ có NH W được hưởng lợi còn rủi ro đến với cả 3 ngân hàng còn lại; đặc biệt là NH X do duy trì GAPw âm cao cả về tuyệt đối lẫn tương đối so với tài sản. Nếu lãi suất tăng 0,5%, NII giảm 750.421 triệu đồng, tương đương với giảm 13,13% so với lợi nhuận sau thuế năm 2015, nếu lãi suất tăng mạnh hơn 1% và 2% thì mức giảm NII cũng sâu hơn, giảm tới 2.049.666 triệu đồng và 4.099.333 triệu đồng. Đây là những khoản lỗ rất lớn với NH X nếu lãi suất thực sự tăng trong năm 2016. Với các ngân hàng còn lại trừ NH W, cũng với những kịch bản lãi suất tăng như vậy, tuy duy trì GAPw âm nhưng giá trị nhỏ hơn, nên những khoản thua lỗ tiềm tàng cũng nhỏ hơn.

Như vậy, với bất kỳ mức lãi suất tăng nào trong năm 2016, NH X là ngân hàng chịu rủi ro thu nhập ròng từ lãi nhiều nhất so với các ngân hàng còn lại, trong khi đó, NH W lại được hưởng thêm thu nhập ròng từ lãi nếu lãi suất tăng.

Tác động các kịch bản lãi suất lên hệ số ROA của các NHTM

Sau khi phân tích tác động của các kịch bản lãi suất lên thay đổi thu nhập ròng từ lãi của các NHTM, nghiên cứu sẽ đi sâu hơn phân tích tác động đến khả năng sinh lời của ngân hàng thông qua hệ số ROA - return on

Hình 2: Hệ số ROA của một số NHTM khi có cú sốc lãi suất (đơn vị: %)



Nguồn: Tính toán của tác giả

asset. Công thức tính ROA như sau:

$$ROA = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

Để xác định hệ số ROA khi có cú sốc về lãi suất, cần phải xác định lại lợi nhuận sau thuế và tổng tài trung bình theo các giả định sau:

- Lợi nhuận sau thuế: do thu nhập ròng từ lãi thay đổi trước các kịch bản lãi suất, trong khi các yếu tố khác không đổi làm lợi nhuận trước thuế thay đổi và giả định làm thu nhập chịu thuế thay đổi một khoản tương ứng. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng theo các văn bản hiện hành là 20%⁴, do vậy, lợi nhuận sau thuế sẽ thay đổi bằng 80% thay đổi của thu nhập ròng từ lãi.

- Tổng tài sản bình quân: giả định không đổi.

Sau khi tính toán hệ số ROA mới theo các kịch bản, so sánh

giữa các ngân hàng trong mẫu nghiên cứu và so với chính những NHTM đó những năm trước (như hình 2) rút ra được những nhận xét như sau:

Thứ nhất, Trong 4 NHTM trong mẫu nghiên cứu thì chỉ có NH W có ROA tăng sau khi chịu tác động của các cú sốc về lãi suất, điều này là do chỉ có NH W duy trì GAPw dương, nên lãi suất theo các kịch bản tăng sẽ làm tăng thu nhập thuần từ lãi, từ đó làm tăng lợi nhuận sau thuế của ngân hàng, từ đó, tăng ROA của ngân hàng. ROA tương ứng với các kịch bản tăng lãi suất 0,5%, 1% và 2% là 0,88%, 0,96% và 1,13%. Đây là những kết quả ROA tăng mạnh so với xu hướng giảm dần ROA qua các năm của NH W từ năm 2011 đến năm 2015. Có thể nhận thấy nếu lãi suất năm 2016 tăng đúng như dự đoán thì đây rất có thể là một năm khởi sắc với khả năng sinh lời tăng đột biến của

NH W.

Thứ hai, trái ngược lại với NH W, cả 3 NHTM còn lại đều hứng chịu rủi ro lãi suất trước các kịch bản lãi suất tăng, trong đó, NH X chịu rủi ro lớn nhất. Khi lãi suất tăng 0,5%, ROA của ngân hàng chỉ còn 0,72%, thấp hơn rất nhiều so với mức 1,09% của năm 2015 cũng như mức ROA xấp xỉ xoay quanh 1% mà NH X duy trì từ năm 2011 đến nay. Với các cú sốc mạnh hơn, rủi ro từ lãi suất còn ăn mòn các khoản lợi nhuận từ các hoạt động khác, cụ thể hơn với lãi suất tăng 1%, và 2%, ROA của NH X chỉ còn là 0,59% và 0,33%. Trước những rủi ro lớn như vậy, NH X cần phải chủ động thực hiện nhiều biện pháp quản trị rủi ro lãi suất chủ động và mạnh mẽ trong năm 2016 nếu như lãi suất tăng như dự báo.

Thứ ba, với NH Y và NH Z, trước những kịch bản tăng lãi suất do duy trì GAPw âm nhưng

nhỏ nên thu nhập thuần từ lãi có giảm nhưng giảm ít hơn rất nhiều so với NH X, do đó, lợi nhuận sau thuế giảm không đáng kể. ROA của NH Y trong các kịch bản lãi suất tăng 0,5%, 1,0% và 2,0% là 1,18%, 1,16% và 1,13% đều cao hơn 1% chứng tỏ cú sốc này có tác động không đáng kể đến khả năng sinh lời của NH Y. Những tỷ lệ này tương ứng với NH Z là 0,53%, 0,52% và 0,49%, giảm một chút so với ROA năm 2015 là 0,54% nhưng những cú sốc lãi suất bất lợi này với NH Z vẫn cho ra kết quả ROA cao hơn so với năm đáy ROA bằng 0,34% vào năm 2012. Tuy nhiên, ROA của NH Z, nhìn chung, thấp hơn so với các NHTM khác nên NH Z bên cạnh việc chú tâm tới quản trị rủi ro lãi suất, cũng cần phải lưu ý năng lực quản trị khả năng sinh lời của mình tốt hơn.

Tác động các kịch bản lãi suất lên hệ số CAR của các NHTM

Bên cạnh phân tích tác động của lãi suất lên thu nhập của NHTM, tác giả còn phân tích tác động lên vốn của NHTM, để đánh giá xem liệu NHTM còn đủ vốn hay không trước biến động lãi suất thay đổi.

Trong bài nghiên cứu, tác giả lựa chọn hệ số CAR để phản ánh mức độ đủ vốn và an toàn của NHTM. Hệ số CAR hiện được các NHTM tính toán theo Thông tư 36/2014/TT-NHNN có hiệu lực từ 1/2/2015. Theo đó, các NHTM phải duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu CAR là 9%.

CAR được tính theo công thức:

$$CAR = \frac{\text{Vốn tự có}}{\text{Tài sản điều chỉnh theo trọng số rủi ro}}$$

Để xác định sự thay đổi của hệ số CAR, cần phải xác định được giá trị của “vốn tự có” và “tài sản điều chỉnh theo trọng số rủi ro”. Sau cú sốc xảy ra, hai yếu tố này được giả định thay đổi như sau:

- Vốn tự có: bị giảm trừ bằng khoản thua lỗ từ rủi ro lãi suất, vì khoản giảm thu nhập thuần từ lãi sẽ làm giảm lợi nhuận ròng của ngân hàng, từ đó giảm vốn tự có của ngân hàng.

- Tài sản điều chỉnh theo trọng số rủi ro: giả định không đổi.

Sau khi tính toán sự thay đổi hệ số CAR của 4 NHTM, các kết luận thu được như sau:

Thứ nhất, trong 4 NHTM đánh giá, chỉ có NH W có hệ số CAR tăng trước các cú sốc lãi suất, điều này là do chỉ có CTG duy trì GAPw dương, nên lãi suất theo các kịch bản tăng sẽ làm tăng thu nhập thuần từ lãi, từ đó tăng vốn tự có của NH W, CAR theo các kịch bản tăng 0,5%, 1% và 2% tương ứng là 9,25%, 9,35% và 9,53%. Các hệ số CAR này, tuy cao hơn ngưỡng an toàn 9%, nhưng vẫn chưa phải là lớn, đặc biệt khi so với 2 NHTM là NH X và NH Y kể cả khi các ngân hàng này chịu tác động các kịch bản lãi suất khiến CAR suy giảm.

Thứ hai, NH X bị đánh giá là chịu rủi ro lãi suất lớn nhất nên hệ số CAR cũng suy giảm mạnh nhất theo các kịch bản đưa ra. Cụ thể CAR theo các kịch bản tăng 0,5%, 1% và 2% tương ứng là 9,79%, 9,59% và 9,19%, lớn hơn không đáng kể so với ngưỡng 9%. Điều này đặt áp lực lên NH X cần phải có những biện pháp làm dày thêm “tấm đệm” vốn tự có để chống chịu tốt hơn trước những cú sốc bất lợi.

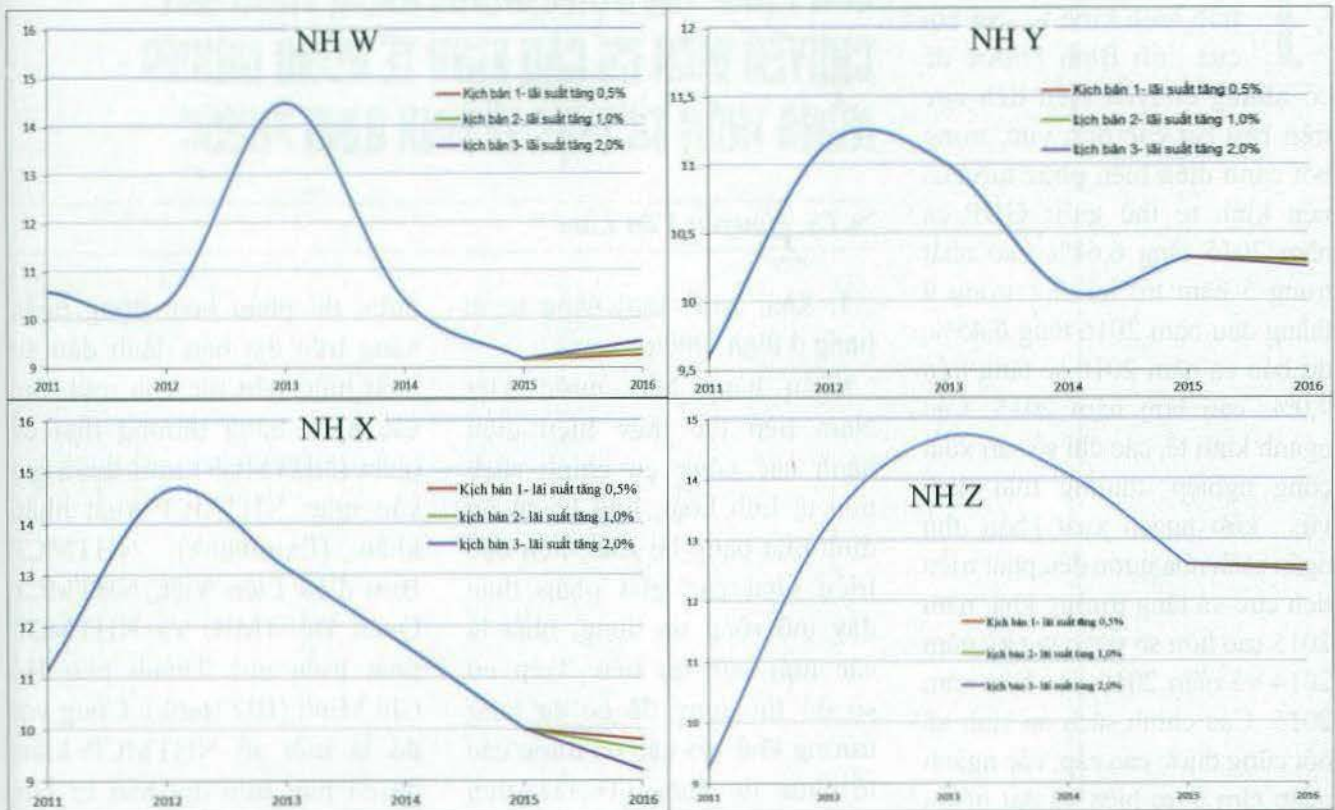
Thứ ba, hai NHTM CP còn lại là NH Y và NH Z trước những kịch bản tăng lãi suất, do duy trì GAPw âm nhưng nhỏ nên thu nhập thuần từ lãi có giảm nhưng giảm ít hơn rất nhiều so với NH X trước các kịch bản lãi suất tăng 0,5%, 1% và 2%. Hệ số CAR vì thế tuy giảm nhưng mức giảm không đáng kể, NH Y tương ứng với các kịch bản hệ số là 10,3%, 10,28% và 10,25% trong khi đó các hệ số của NH Z là 12,57%, 12,54% và 12,48%. Đây đều là các hệ số CAR lớn hơn 9% chứng tỏ dù các cú sốc lãi suất có xảy ra thì NH Z và NH Y vẫn ở ngưỡng an toàn. Như vậy, nhìn chung, các NHTMCP có mức độ an toàn vốn cao hơn các NHTM do Nhà nước nắm cổ phần chi phối và nếu rủi ro xảy ra thì các NHTMCP có nguy cơ mất vốn ít hơn các NHTMNN. Hình 3

4. Kết luận

Sau khi đánh giá sức chịu đựng rủi ro lãi suất tại một số NHTM, tác giả đưa ra một số nhận xét và kết luận như sau:

Thứ nhất, các NHTM đang dần chuẩn hóa mô hình tổ chức quản lý rủi ro lãi suất hợp lý hơn theo các cấp quản trị, điều hành và các phòng ban nghiệp vụ. Ở cấp quản trị có hội đồng quản trị, ủy ban quản lý rủi ro, ủy ban ALCO định hướng chiến lược quản lý rủi ro thị trường, trong đó có quản trị rủi ro lãi suất và phê duyệt khâu vụ rủi ro của ngân hàng. Cấp điều hành có tổng giám đốc, khối rủi ro chỉ đạo điều hành chung hoạt động ngân hàng bao gồm công tác quản lý rủi ro lãi suất; và các phòng ban nghiệp vụ như phòng quản lý rủi ro thị trường trực thuộc khối quản lý rủi ro xây dựng vận hành các mô

Hình 3: Hệ số CAR của một số NHTM khi có cú sốc lãi suất



Nguồn: tính toán của tác giả

hình đo lường, quản lý rủi ro lãi suất, đưa ra các kịch bản rủi ro nghiêm trọng có thể xảy ra với ngân hàng.

Thứ hai, các NHTM chủ yếu vẫn đang áp dụng mô hình định giá lại và quản lý theo khe hở nhạy cảm lãi suất từng kỳ hạn hoặc lũy kế trên tổng tài sản theo quy định của ALCO. Tuy vậy, mô hình này đang gặp nhiều hạn chế như đã phân tích ở trên. Ngoài ra, một số các NHTM cũng đã sử dụng thêm những mô hình đo lường hiện đại hơn như giá trị chịu rủi ro VaR, mô hình thời lượng hay mô hình Stress Test. Tuy nhiên, những mô hình này vẫn đang trong giai đoạn thử nghiệm, chưa được sử dụng phổ biến và cần nhiều điều chỉnh để đo lường được chính xác hơn.

Thứ ba, để áp dụng kỹ thuật phức tạp như đánh giá sức chịu đựng rủi ro lãi suất - Stress test lãi suất, các NHTM cần: (i) nguồn nhân lực chất lượng cao

có kiến thức chuyên sâu về kinh tế, tài chính, ngân hàng và kỹ năng sử dụng các phương pháp nghiên cứu hiện đại; (ii) xây dựng bộ dữ liệu đầy đủ và đáng tin cậy nhằm tăng cường chất lượng dự báo và xây dựng kịch bản trong ST, đồng thời áp dụng các mô hình đo lường và đánh giá sức chịu đựng phức tạp hơn; (iii) đánh giá ST với các rủi ro đơn lẻ, nhưng đồng thời cũng cần kết hợp các kịch bản với những rủi ro tổng thể để đánh giá khả năng chống đỡ của ngân hàng. Các kết quả và hoạt động đánh giá này cần được coi như một nội dung trong hoạt động quản trị rủi ro tổng thể của cả ngân hàng. ■

¹Ngân hàng Nhà nước (2008).

²Ngân hàng Nhà nước (2012, 2013).

³Các bước thực hiện mô phỏng theo khuyến nghị của JICA - Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản cho NHNN Việt Nam.

⁴Áp dụng theo thông tư số 78/2014/TT-BTC và thông tư 96/2015/TT-BTC có hiệu lực từ 1/1/2016.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Basel Committee on Banking Supervision (2001), Principles for the Management and Supervision of Interest Rate Risk, Bank for International Settlements
2. Blaschke, W., Jones, M.T., Majnoni, G., Peria, S.M., 2001 'Stress Testing of Financial Systems: An Overview of Issues, Methodologies, and FSAP Experiences', IMF Working Paper, June 2001, WP/01/88
3. Báo cáo thường niên của Ngân hàng Nhà nước từ năm 2007 đến năm 2015
4. Báo cáo thường niên của các ngân hàng thương mại từ năm 2007 đến năm 2015
5. Cihák, M. (2007), Stress testing - A review of key concepts, CNB International research and policy note.
6. Đỗ Thị Kim Hào (2013) - Chương trình bài giảng Quản lý rủi ro trong kinh doanh ngân hàng
7. Fognia, A. (2008), 'Stress testing credit risk: A survey of authorities's approaches', Occasional Papers, Number 37
8. JICA - Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (2011), tài liệu cố vấn cho NHNN Việt Nam
9. Hà Thị Diệu Linh (2007), Một số giải pháp hạn chế rủi ro lãi suất trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại Việt Nam, Luận văn thạc sĩ, Đại học Kinh Tế TP.HCM
10. Nguyễn Thị Hồng Hải và cộng sự (2016), Nghiên cứu mô hình đánh giá khả năng chịu đựng rủi ro thị trường của ngân hàng thương mại Việt Nam, đề tài NCKH cấp ngành, Mã số DTNH.14/2015
11. Tô Ngọc Hưng (2010), "Hệ thống giám sát tài chính Quốc gia - Đề tài trọng điểm cấp Nhà nước", Mã số KX.01.19/06-10.